TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày: 31-8-2022.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Thao

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Trung Chinh

Ông Triệu Văn Huấn

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2022/TLST- DS ngày 23-6-2022 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-DS ngày 23-8-2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thành K, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tăng Đ, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thành K trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà có cho ông Nguyễn Tăng Đ vay số tiền là 75.000.000 đồng. Đến ngày 01-01-2019 (âm lịch), ông Đ có viết giấy vay tiền xác nhận số tiền còn nợ là là 75.000.000 đồng và cam kết mỗi tháng trả 1.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi. Lãi suất do hai bên tự thỏa thuận không ghi cụ thể vào giấy vay tiền. Đến ngày 01-01-2020 (âm lịch), ông Đ có viết giấy xác nhận số tiền nợ gốc và nợ lãi là 87.000.000 đồng, từ đó đến nay ông Đ không trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho bà theo thỏa thuận. Bà đã nhiều lần yêu cầu ông Đ phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi nhưng ông Đ không trả. Tại đơn khởi kiện đề ngày 01-6-2022, bà K yêu cầu ông Đ phải trả số tiền là 87.000.000 đồng, không tính tiền

lãi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà sửa đổi yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu ông Đ phải trả số tiền nợ gốc là 75.000.000 đồng, không tính tiền lãi.

- Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Nguyễn Tăng Đ trình bày:

Ông có nợ bà Nguyễn Thị Thành K số tiền là 50.000.000 đồng từ năm 2015. Ngày 01-01-2019 (âm lịch) bà K tính tiền nợ gốc và nợ lãi là 75.000.000 đồng và ông có viết giấy vay tiền và ký nhận. Đến ngày 01-01-2020 (âm lịch) bà K chốt nợ gốc và nợ lãi là 87.000.000 đồng và ông có ký xác nhận. Lãi suất các bên tự thỏa thuận không ghi cụ thể vào giấy vay tiền. Ông Đ khẳng định chỉ còn nợ bà K số tiền là 50.000.000 đồng và sẽ có trách nhiệm trả số tiền nợ cho bà K. Tuy nhiện hiện tại sức khỏe của ông không được tốt, phải đi chữa bệnh nhiều nơi, kinh tế gia đình khó khăn nên hiện tại chưa có khả năng trả nợ cho bà K.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tiến hành xét xử vụ án đúng trình tự tố tụng, đảm bảo đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của các đương sự.

- *Về nội dung*:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thành K

Buộc ông Nguyễn Tăng Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thành K số tiền là: 75.000.000 đồng *(Bảy mươi năm triệu đồng)*.

+ Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả trông luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn ông Nguyễn Tăng Đ có nơi cư trú tại xã Minh Xuân, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều

39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa, Bà Nguyễn Thị Thành K và ông Nguyễn Tăng Đ vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Theo giấy vay tiền ngày 01-01-2019 (âm lịch) ông Nguyễn Tăng Đ có vay của bà Nguyễn Thành Kính số tiền là 75.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả tiền, tiền lãi do các bên tự thỏa thuận. Đến ngày 01-01-2020 (âm lịch), ông Đ ký nhận số tiền nợ gốc và nợ lãi còn nợ bà K tổng là 87.000.000 đồng. Bà K đã nhiều lần yêu cầu ông Đ phải trả số tiền nợ đồng nhưng ông Đ không trả tiền. Nên bà K khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả số tiền nợ gốc là 75. 000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Tăng Đ thừa nhận nội dung đã viết và ký nhận tại giấy vay tiền ngày 01-01-2019 (âm lịch) và ngày 01-01-2020 (âm lịch) như đã nêu trên. Tuy nhiên, ông Đ xác định chỉ còn nợ bà K số tiền là 50.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà K số tiền trên sau khi chữa khỏi bệnh.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy vay tiền ngày 01-01-2019 (âm lịch) là một hình thức của hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn. Các bên tham gia giao kết hợp đồng đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp, đúng trình tự và đảm bảo về mặt hình thức nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Ông Đ không trả số tiền đã vay khi bà K có yêu cầu trả tiền là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự. Ông Đ xác định chỉ nợ bà K số tiền là 50.000.000 đồng nhưng ông Đ không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, bà K khởi kiện buộc ông Đ phải trả số tiền nợ gốc 75.000.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

- Về yêu cầu tính tiền lãi: Bà K không yêu cầu tính tiền lãi là hoàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà K không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Nguyễn Tăng Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thành K.

Buộc ông Nguyễn Tăng Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thành K số tiền là: 75.000.000 đồng *(Bảy mươi năm triệu đồng)*.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Tăng Đ phải chịu 3.750.000 đồng *(Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thành K không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà K được trả lại 2.175.000 đồng (*Hai triệu một trăm bảy mươi năm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2017/0002392 ngày 23-6-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái ;
- VKSND huyện Lục Yên;
- CCTHADS huyện Lục Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thao